

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày: 27-11-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Ký.

Bà Lê Thị Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Kế Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Vi Văn T, sinh ngày 13/02/1987 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn X1 và bà Bùi Thị X2; Có vợ là Lương Thị Th và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 29/8/2020, đến ngày 01/9/2020 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an huyện Như Xuân. Có mặt.

Bị hại: Chị Mai Thị H - Sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn X, xã E, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 6 năm 2020, Vi Văn T (ở thôn T, xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa) đi làm công nhân tại tỉnh Đắk Lắk. Sau đó T có đến nhà chị Mai Thị H (sinh năm 1979, ở xã E, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk) xin ngủ nhờ một hôm để sáng ngày hôm sau bắt xe về quê, quá trình ở nhà chị H thì T được biết chị H cũng là người cùng quê Thanh Hóa nên T có xin số điện thoại của chị H để liên lạc. Sáng ngày hôm sau trên đường về quê thì T có gọi điện thoại cho chị H để nói chuyện, sau đó giữa hai người thường xuyên liên lạc và có nảy sinh tình cảm yêu đương nam nữ. Đến khoảng giữa tháng 8/2020 chị H ra Hà Nội đi khám bệnh và có

hẹn gặp Vi Văn T, nhưng do T nói không có tiền bắt xe đi nên chị H đã chuyển qua tài khoản cho T số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) để T lấy kinh phí bắt xe ra Hà Nội gặp chị H. Lúc gặp nhau thì cả hai thuê nhà nghỉ tại Hà Nội và quan hệ tình dục với nhau, trong lúc quan hệ tình dục thì T đã sử dụng điện thoại lên chụp một bức hình chị H đang trong tình trạng khóa thân. Sau đó, cả hai nghỉ lại qua đêm đến 05 giờ sáng ngày hôm sau thì T bắt xe về nhà. Đến ngày 26/8/2020, chị H về quê tại Thanh Hóa chơi nên cả hai lại tiếp tục hẹn gặp nhau tại thành phố Thanh Hóa, chị H lại gửi thêm cho T 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để lấy tiền đi xe, khi gặp nhau thì cả hai lại thuê nhà nghỉ để quan hệ tình dục với nhau, trong khi quan hệ thì T lại chụp thêm một hình ảnh chị H đang khóa thân (cả hai hình ảnh T chụp chị H đều trong tư thế không mặc quần áo trên người do lúc T chụp chị H không biết). Tối ngày hôm sau, khi về nhà do có hai hình ảnh nói trên nên T đã nảy sinh ý định sử dụng các hình ảnh này để đe dọa tống tiền (chiếm đoạt tài sản) của chị H. Đến sáng ngày 28/8/2020, để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của chị H thì T đã gửi hai hình ảnh trên qua tin nhắn Zalo cho chị H và yêu cầu chị H trong thời hạn 10 ngày phải chuyển cho T số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) nếu không T sẽ đăng tải hai hình ảnh này lên mạng xã hội và gửi cho người thân của chị H. Do sợ bị mọi người biết nên chị H có nhắn tin để xin nhưng T không đồng ý và liên tục gửi lại hai hình ảnh cùng các đoạn tin nhắn có nội dung tình cảm trước đó cho chị H xem để đe dọa uy hiếp tinh thần của chị H. Đến tối ngày 28/8/2020 chị H gọi cho T và nói là mới thu xếp được khoảng 7.000.000đ đến 8.000.000đ hỏi T có lấy không, T đồng ý nhận và yêu cầu chị H chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng, nhưng chị H không đồng ý và yêu cầu T phải gặp trực tiếp để xóa các hình ảnh mới giao tiền. Đến sáng ngày 29/8/2020 cả hai có hẹn gặp nhau tại "khách sạn Như Xuân" ở khu phố Mỹ Ré, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân để giao tiền. Đến khoảng 11 giờ 30 chị H đi xe máy cùng với chị gái là Khương Thị Liên đến gặp T tại cổng khách sạn Như Xuân, khi gặp nhau thì T bảo chị H lên xe T (xe mô tô BKS 36K3 058.29, trước đó Vi Văn T mượn của anh Trương Văn Phúc ở thôn Đồng Tâm, xã Hóa Quý, huyện Như Xuân) chở đi nơi khác nói chuyện. T quay đầu xe chở H đi dọc theo đường Hồ Chí Minh, được khoảng 500m thì dừng xe và vào quán nước của gia đình chị Lê Thị Lưu ở Khu phố Lúng, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân. Lúc ngồi tại quán nước, chị H có nói với T là chưa rút được tiền mà mới chỉ có 1.000.000đ (một triệu đồng) đưa trước cho T. Khi T chưa kịp nhận tiền thì phát hiện lực lượng Công an đến kiểm tra nên T đã bỏ chạy và bị bắt giữ, lập biên bản, đưa về trụ sở Công an huyện Như Xuân làm việc. (BL: 02 -> 18A, 41 -> 125)

Quá trình điều tra Vi Văn T đã thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của T phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập đúng quy định.

* Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu: xanh - đen - bạc, biển kiểm soát 36K3 - 058.29. Ngày 14/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân đã trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu là anh Trương Văn Phúc. (BL 142)
- Số tiền 1.000.000đ của chị Mai Thị H, ngày 15/9/2020 Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại cho chị H. (BL 143)

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Vivo J66L, màu gold, có số Imei 1: 866356037126330, Imei 2: 866356037126322, được lắp sim số: 0325706954. Đây là vật chứng của vụ án Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân ra quyết định chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân để bảo đảm việc xét xử và thi hành án theo quy định của pháp luật.

* Trách nhiệm dân sự: Bị hại Mai Thị H không yêu cầu Vi Văn T phải bồi thường về mặt dân sự. (BL: 144 -145).

Bản cáo trạng số: 28/CT-VKSNX ngày 29/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố bị cáo Vi Văn T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Vi Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Vi Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn T với mức án từ 12 đến 18 tháng tù.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc Vi Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn T khai nhận: Vào sáng ngày 28/8/2020, do có hai hình ảnh chụp chị Mai Thị H đang trong tư thế không mặc quần áo nên Vi Văn T nảy sinh ý định cưỡng đoạt tài sản, T đã gửi hai hình ảnh trên qua tin nhắn Zalo cho chị H và yêu cầu chị H trong thời hạn 10 ngày phải chuyển cho T số tiền là 10.000.000đ nếu không T sẽ đăng tải hai hình ảnh này lên mạng xã hội và gửi cho người thân của chị H. Do sợ bị mọi người biết nên chị H có nhắn tin để xin nhưng T không đồng ý và liên tục gửi lại hai hình ảnh cùng các đoạn tin nhắn có nội dung tình cảm trước đó cho chị H xem để đe dọa uy hiếp tinh thần của chị H. Đến tối ngày 28/8/2020 chị H gọi cho T và nói là mới thu xếp được khoảng 7.000.000đ đến

8.000.000đ hỏi T có lấy không, T đồng ý nhận và yêu cầu chị H chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng, nhưng chị H không đồng ý và yêu cầu T phải gặp trực tiếp để xóa các hình ảnh mới giao tiền. Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 29/8/2020, T và chị H gặp nhau ở quán nước của gia đình chị Lê Thị Lưu ở khu phố Lúng, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân thì chị H nói với T là mới có 1.000.000đ và bảo T cầm trước để xóa ảnh vì chưa rút được tiền. Khi T chưa kịp nhận tiền thì phát hiện lực lượng Công an đến kiểm tra nên T đã bỏ chạy và bị bắt giữ, lập biên bản, đưa về trụ sở Công an huyện Như Xuân làm việc.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người bị hại, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Vi Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất của vụ án: Bị cáo Vi Văn T là thanh niên có sức khỏe nhưng không chịu lao động, làm ăn chân chính, lợi dụng quan hệ gần gũi và có được những hình ảnh nhạy cảm của chị Mai Thị H. Trong một khoảng thời gian ngắn, T liên tục nhắn tin đe dọa phát tán và gửi những hình ảnh nhạy cảm của chị H cho người thân của chị H, khiến bị hại hoang mang, lo sợ, nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo hết sức táo bạo, trắng trợn và nguy hiểm. Bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời việc cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian là cần thiết.

[5] Tuy nhiên, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo Vi Văn T là đối tượng có nhân thân tốt; không có tiền sự, tiền án; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội. Nên khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt chính và miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công lương thiện.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản Vi Văn T cưỡng đoạt là số tiền 1.000.000đ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Mai Thị H. Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo J66L, màu gold, có số Imei 1: 866356037126330, Imei 2: 866356037126322, được lắp sim số: 0325706954 là phương tiện phạm tội của bị cáo, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước

[8] Về án phí: Bị cáo Vi Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 6 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2020.

Vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo J66L. Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 04/2020/TSVC ngày 04/11/2020 giữa Công an huyện Như Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân.

Án phí: Bị cáo Vi Văn T phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND H.Như Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT H.Như Xuân;
- Chi cục THADS H.Như Xuân;
- Nhà tạm giữ, CA H.Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Tiến Thịnh